TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2026/QĐST-KDTM	*Ninh Bình, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (V1); địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T. Chức vụ: Giám đốc khối mạng lưới Kinh doanh ngân hàng B, *(theo văn bản ủy quyền số 226369.24 về việc tham gia tố tụng, ngày 23/10/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q (V1).*

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thùy P, bà Trần Thị Trà M, bà Trần Thị Thu H, bà Lý Tố O, đều là cán bộ VIB, *(theo văn bản ủy quyền số 167800.25 ngày 18/6/2025 của Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng.*

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V2; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1980 – Chủ tịch Công ty K; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ còn phải thanh toán:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 8065205.21 ký ngày 17/9/2021, số tiền cho vay: 700.000.000 đồng. Thời hạn vay 84 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,6%/ năm. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty TNHH V2 đã thế chấp tài sản là: 01 Chiếc xe ô tô TOYOTA FORTUNER, số máy: 2GD1010988, số khung: RL4JB3GS7M2532915, biển kiểm soát 35A-248.82. Giấy chứng nhận đăng ký số 35004974 cấp ngày 15/9/2021 do Phòng C - Công an tỉnh N cấp, xe ô tô đứng tên Công ty TNHH V2, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6068286.21 ngày 17/9/2021.

- Tổng số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH V2 hiện còn nợ đối với Ngân hàng TMCP Q (V1), tạm tính đến ngày 22/01/2026 tổng số tiền là: 254.020.694 đồng (hai trăm năm mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc: 208.292.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 12.772.048 đồng và nợ lãi quá hạn: 32.956.646 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Vào ngày 28/02/2026 Công ty TNHH V2 có nghĩa vụ thanh toán xong toàn bộ số nợ tính đến ngày 22/01/2026 tổng số tiền là: 254.020.694 đồng (hai trăm năm mươi tư triệu, không trăm hai mươi nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng), trong đó: nợ gốc: 208.292.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 12.772.048 đồng và nợ lãi quá hạn: 32.956.646 đồng, cho Ngân hàng TMCP Q (V1). Trong thời gian tiếp theo kể từ ngày 23/01/2026 cho đến ngày thanh toán xong số tiền còn nợ trên, Công ty TNHH V2 phải chịu khoản tiền phát sinh, theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trước đây đã ký kết với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

2.3. Trường hợp Công ty TNHH V2 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản mà Công ty TNHH V2 đã thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ là Chiếc xe ô tô TOYOTA FORTUNER, số máy: 2GD1010988, số khung: RL4JB3GS7M2532915, biển kiểm soát 35A-248.82. Giấy chứng nhận đăng ký số 35004974 cấp ngày 15/9/2021 do Phòng C – Công an tỉnh N cấp, xe ô tô đứng tên Công ty TNHH V2.

2.4. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm khi kê biên phát mại không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V1) thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH V2 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán

toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP Q (V1) theo quy định và Ngân hàng tiếp tục tính lãi phát sinh đối với Công ty TNHH V2 đến ngày tất toán hết khoản vay.

3. Về án phí: Công ty TNHH V2 phải nộp số tiền là 6.350.517 đồng (sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm mười bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại số tiền 8.313.000 đồng (tám triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP Q (V1) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003263 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự; người đại diện;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Vũ Nhật Trung